| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 59/2025/DS-ST
Ngày: 28-7-2025
*V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Anh Dũng.

2. Ông Lê Văn Lành.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1213/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 247/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 03/7/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân Á, sinh năm: 1971; cư trú: 247, tổ B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

- *Bị đơn:*

1/ Bà Nguyễn Thị Kim H**,** sinh năm 1980; cư trú: A, đường C, khu phố F, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

2/ Ông Nguyễn Thanh T**,** sinh năm 1982; thường trú: 257 tổ H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Ông T1 có mặt, ông T, bà H vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

****** Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Thái T1 trình bày:*

Vào ngày 10/01/2020, vợ chồng ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim H có vay của Bà Nguyễn Thị Xuân Á số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Việc vay tiền có lập giấy vay tiền, có chữ ký xác nhận của bên cho vay là bà Á và bên vay là ông T, bà H. Lãi suất vay các bên thỏa thuận ngoài là

5%/tháng, thời hạn vay là khi nào bà Á cần lấy lại tiền vay thì sẽ thông báo cho ông T, bà H hoàn trả đầy đủ. Bà Á đã giao đủ 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho ông T, bà H.

Đến ngày 07/3/2020, vợ chồng ông T, bà H tiếp tục vay thêm của bà Á số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), khi nhận tiền vay thêm, ông T, bà H ký xác nhận vay số tiền nêu trên vào giấy vay tiền ngày 10/01/2020. Cũng như khoản vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) ngày 10/01/2020, bà Á cho vợ chồng ông T, bà H vay với lãi suất là 5%/tháng, thời hạn vay là khi nào bà Á cần lấy lại tiền vay thì sẽ thông báo cho ông T, bà H hoàn trả đầy đủ.

Đến ngày 16/10/2020, vợ chồng ông T, bà H lại tiếp tục vay thêm số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), lãi suất và thời hạn vay hai bên thỏa thuận như 02 lần vay trước đó. Theo nội dung xác nhận vay tiền vào ngày 16/10/2020 thì vợ chồng ông T, bà H vay bà Á tổng cộng là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi vay tiền tổng cộng là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), ông T, bà H chỉ thanh toán cho bà Á đến tháng 01/2021 tổng số tiền 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu) và ngưng trả tiền gốc và tiền lãi từ ngày 11/01/2021 cho đến nay.

Do ông T, bà H không tiếp tục thanh toán lãi suất hàng tháng cho bà Á nên đầu năm 2021, bà Á có yêu cầu ông T, bà H phải trả lại nợ gốc và nợ lãi nhưng ông T, bà H cứ hứa hẹn lần này sang lần khác, sau rồi né tránh nên bà Á yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim H phải trả lại cho bà Á số tiền nợ gốc còn lại là 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 11/01/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2025) là: 103.000.000đồng x 0,83% x 54 tháng 17 ngày = 46.649.032đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Á là 103.000.000đồng + 46.649.032đồng = 149.649.032đồng.

Ngoài yêu cầu trên bà Á không yêu cầu gì khác. Ngoài các tài liệu bà Á đã nộp cho Tòa thì bà Á không còn tài liệu chứng cứ gì khác để nộp cho Tòa.

** Tại bản tự khai ngày 14/5/2024 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày như sau:*

Bà H có quen biết bà Nguyễn Thị Xuân Á và có vay của bà Á số tiền để làm ăn vào 03 đợt để vợ chồng bà làm ăn, kinh doanh, cụ thể:

- Đợt 1: vay 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 10/01/2020;

- Đợt 2: Vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vào ngày 07/03/2020;

- Đợt 3: vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) ngày 16/10/2020.

Tổng 03 lần vay là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Quá trình vay bà H đã trả cho bà Á số tiền nợ gốc và lãi bằng hình thức chuyển khoản là 147.000.000đ

(một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) từ tháng 12/2019 đến tháng 01/2021. Từ tháng 02/2021 đến nay, do làm ăn kinh doanh thua lỗ nên bà H không trả thêm được khoản nào cho bà Á. Nay, bà Á khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng và tiền lãi 1,66%/tháng thì bà H không đồng ý. Bà H chỉ đồng ý trả cho bà Á số tiền còn lại lại 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng) và xin bà Á không tính tiền lãi

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh T:* Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã triệu tập ông T lên Tòa làm việc nhưng ông T không lên tòa làm việc nên không có lời khai.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ ngày 10/01/2020 đến ngày 16/01/2020 ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim H có vay của bà Nguyễn Thị Xuân Á số tiền 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Quá trình vay, bà H đã trả được số tiền nợ 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Số tiền gốc còn nợ lại 103.000.000đ (một trăm linh ba đồng). Quá thời hạn theo thỏa thuận, bà H, ông T không trả cho bà Á. Như vậy, bà H, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả. Do đó, bà Á khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai buộc ông ông T, bà H trả số tiền nợ gốc là 103.00.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng) và tiền lãi 10%/năm tức là 0,83%/tháng trên số tiền gốc 103.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 11/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2025) là có căn cứ chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án ông T không lên tòa, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà H có lời khai thừa nhận có vay của nguyên đơn như nguyên đơn yêu cầu là đúng. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Á.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim H có đăng ký thường trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Hiện ông T đã bỏ đi khỏi địa phương và không thông báo địa chỉ nơi ở mới với chính quyền

địa phương và nguyên đơn nên được xem thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về tư cách tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân Á khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim H trả cho bà Á số tiền nợ gốc 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng) và nợ lãi. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Nguyễn Thị Xuân Á là nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim H là bị đơn và quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đai diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Thái T1 xác định bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn số 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) và xác định là trả tiền nợ gốc, nên nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim H trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại là 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng). Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mà nguyên đơn đã rút nêu trên.

Đối với yêu cầu về tiền nợ gốc: Căn cứ vào "Giấy vay tiền" đề ngày 10/01/2020 thể hiện: Bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh T có vay của bà Nguyễn Thị Xuân Á số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); ngày 07/3/2020, bà H, ông T vay thêm của bà Á 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); ngày 16/10/2020, bà H, ông T tiếp tục vay thêm của bà Á 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng); tổng số tiền bà H, ông T vay của bà Á là 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng); thời hạn trả nợ là khi nào bà Á yêu cầu trả thì ông T, bà H sẽ hoàn trả đủ số tiền vay. Quá trình giải quyết vụ án, bà Á và bà H đều khai, từ tháng 12/2019 đến tháng 01/2021 bà H chỉ mới trả cho bà Á số tiền 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Hai bên xác định số tiền nợ gốc còn lại là 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng), do bà H gặp khó khăn về kinh tế nên nhiều lần bà Á yêu cầu ông T, bà H tiếp tục trả nợ nhưng ông T, bà H vẫn cố tình không trả nợ cho bà Á. Như vậy, ông T, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho ông T nhưng ông T cố tình vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho sự phản đối đó. Nên được xem là mặc nhiên ông T thừa nhận có vay và nợ bà Á số tiền nêu trên. Do đó, việc bà Á khởi kiện yêu cầu ông T, bà H trả cho bà số tiền nợ gốc 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu về tiền lãi: Mặc dù trong giấy vay tiền ngày 10/01/2020 không ghi thỏa thuận về lãi suất, theo bà Á khai thì hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 5%/tháng. Do lãi suất này vượt quá mức quy định của pháp luật nên bà Á chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông T trả tiền nợ lãi cho bà từ ngày 11/01/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với lãi suất là 1,66%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Á là ông Trần Thái T1 chỉ yêu cầu ông T, bà H trả số tiền nợ với lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Xét thấy, mặc dù lãi suất hai bên thỏa thuận là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nhưng nay ông T1 đã tự nguyện tính lại lãi suất 0,83%/tháng, xét thấy việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trên không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi ông ông T, bà H phải trả cho bà Á từ ngày 11/01/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 28/7/2025) là: 103.000.000 đồng x 54 tháng 17 ngày x 0,83% = 46.649.032đồng.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu tại phiên tòa xét thấy phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Thanh T phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.482.452đồng (bảy triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân Á về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh T.

**1**. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H và ông Nguyễn Thanh T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Xuân Á tổng số tiền nợ là 149.649.032đồng (một trăm bốn mươi chín

triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm ba mươi hai đồng). Trong đó, tiền nợ gốc 103.000.000đ (một trăm linh ba triệu đồng), tiền nợ lãi 46.649.032đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2**. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc là 147.000.000đ (một trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

**3**.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Xuân Á số tiền 9.985.000đồng (chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí bà Á đã nộp theo biên lai thu số 0001835 ngày 21/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Đồng Nai).

Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị Kim H phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là là 7.482.452đồng (bảy triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng).

**4.** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND Khu vực 1- Đồng Nai (02);
- THADS tỉnh Đồng Nai (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP(03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Nguyệt**

**Thành viên hội đồng xét xử** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Chi Thiều Thị Phi L** **Lê Thị N**